

NỘI QUY CẢNG BIỂN BÀ RỊA – VŨNG TÀU

(Dự thảo Nội quy cảng biển lấy ý kiến góp ý Lần 3 tại Hội nghị kèm theo Giấy mời số 22/GM-CVHHVT ngày 01/3/2024 của Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nội quy này quy định cụ thể về hoạt động hàng hải tại cảng biển Bà Rịa - Vũng Tàu trên cơ sở Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải (sau đây viết tắt là Nghị định số 58/2017/NĐ-CP) và các quy định liên quan khác của pháp luật.

2. Phạm vi vùng nước cảng biển Bà Rịa - Vũng Tàu (sau đây viết tắt là “vùng nước cảng biển”) và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu theo công bố của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

(Thông tư công bố vùng nước cảng biển, hải đồ vùng nước cảng biển và thông tin liên quan tại **Phụ lục 1** kèm theo Nội quy này)

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nội quy này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân, tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài hoạt động tại cảng biển Bà Rịa - Vũng Tàu (sau đây viết tắt là cảng biển).

2. Cảng quân sự, cảng cá và cảng, bến thủy nội địa nằm trong vùng nước cảng biển chịu sự quản lý nhà nước về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, phòng chống cháy, nổ và phòng ngừa ô nhiễm môi trường theo quy định của Bộ luật Hàng hải Việt Nam, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, quy định liên quan khác của pháp luật và Nội quy này.

Điều 3. Cơ quan quản lý nhà nước về hàng hải, các cơ quan quản lý chuyên ngành khác tại cảng biển và các thông tin khác

1. Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hàng hải tại cảng biển là Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu (sau đây viết tắt là Cảng vụ Hàng hải) có Trụ sở và các Đại diện như sau:

a) Trụ sở:

- Địa chỉ: số 56 Trần Phú, Phường 5, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Điện thoại: 0254.3856270; 0254.3512811; 0915241066.

- Fax: 0254.3856137; 0254.3856085; 0254.3512810.

- E-mail: cangvu.vtu@vinamarine.gov.vn

- Website: <http://www.cangvuhanghaivungtau.gov.vn>

b) Đại diện Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu tại Phú Mỹ:

- Địa chỉ: phường Phước Hòa, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Điện thoại: 0254.3893093; 0254.3893126; 0918014066.

- Fax: 0254.3893093.

- Email: ddpm.vtu@vinamarine.gov.vn

c) Đại diện Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu tại Thị Vải:

- Địa chỉ: đường số 2B, KCN Phú Mỹ 1, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Điện thoại: 0254.3922279; 0917942166.

- Fax: 0254.3922279.

- Email: ddtv.vtu@vinamarine.gov.vn

d) Đại diện Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu tại Côn Đảo:

- Địa chỉ: đường Bến Đầm, huyện Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Điện thoại: 0254.3830056; 0917756166.

- Fax: 0254.3830056.

- Email: ddcd.vtu@vinamarine.gov.vn

2. Thông tin về các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành khác tại cảng biển và Trung tâm điều hành Hệ thống giám sát và điều phối giao thông hàng hải tại Vũng Tàu tại **Phụ lục 2** kèm theo Nội quy này.

3. Điều kiện hàng hải khu vực, khu neo đậu, vùng đón trả hoa tiêu và hướng dẫn an toàn tại cảng biển Bà Rịa - Vũng Tàu nêu tại **Phụ lục 3** kèm theo Nội quy này.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Mục 1

THÔNG TIN LIÊN LẠC TẠI CẢNG BIỂN

Điều 4. Thông tin liên lạc

1. Tổ chức, cá nhân, tàu thuyền Việt Nam và nước ngoài liên lạc với Cảng vụ Hàng hải qua số điện thoại, địa chỉ, fax, thư điện tử quy định tại khoản 1 Điều 3 Nội quy này hoặc qua VHF. Trường hợp cần thiết, có thể thông qua Trung tâm điều hành Hệ thống giám sát và điều phối giao thông hàng hải tại Vũng Tàu (sau đây viết tắt là Trung tâm VTS Vũng Tàu) hoặc các Đài thông tin duyên hải tại khu vực.

2. Việc sử dụng VHF thực hiện theo quy định dưới đây:

a) Duy trì liên lạc trên kênh trực canh 16, kênh làm việc 08 hoặc các kênh được chỉ định khác.

b) Tên, hô hiệu (nếu có) của tàu thuyền hoặc của đơn vị, cá nhân chỉ được nêu không quá ba lần trong một lần gọi hoặc trả lời. Trên kênh trực canh, việc gọi và trả lời phải được tiến hành nhanh chóng và chuyển sang kênh làm việc ngay sau khi đã liên lạc được với nhau.

c) Tàu thuyền, tổ chức, cá nhân không được làm ảnh hưởng đến việc thông tin liên lạc của Cảng vụ Hàng hải trên các kênh 16, 08 và của Trung tâm VTS Vũng Tàu trên các kênh 06, 09, 12. Nghiêm cấm tổ chức, cá nhân, tàu thuyền thực hiện các cuộc gọi bình thường trên kênh 16 trong thời gian có tín hiệu cấp cứu hoặc thông tin khẩn cấp phát trên kênh này.

d) Ngôn ngữ sử dụng trên VHF khi liên lạc, làm việc là tiếng Việt hoặc tiếng Anh.

Mục 2

THỦ TỤC ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG HÀNG HẢI TẠI CẢNG BIỂN

Điều 5. Yêu cầu chung đối với tàu thuyền đến, rời và hoạt động tại cảng biển

1. Tàu thuyền đến cảng biển phải bảo đảm các điều kiện theo quy định tại Điều 94 Bộ luật Hàng hải Việt Nam và Mục 1 Chương IV Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, tàu thuyền đến, rời và hoạt động tại cảng biển phải có chiều dài lớn nhất, trọng tải toàn phần, mớn nước, chân hoa tiêu và các thông số kỹ thuật liên quan phù hợp với điều kiện thực tế của luồng hàng hải (sau đây viết tắt là luồng), khu neo đậu, vùng đón trả hoa tiêu, cầu

cảng, bến cảng, bến phao, và độ cao tính không thông thuyền của cầu, đường dây điện vượt qua luồng theo quy định.

3. Trước khi đến cảng biển, tàu biển phải cập nhật tên bến cảng/ mã cảng đến; dự kiến thời gian đến trên thiết bị AIS trang bị trên tàu để đảm bảo công tác giám sát an toàn hàng hải, an ninh hàng hải trong quá trình xác báo, điều động tàu thuyền đến cảng biển.

Điều 6. Thông báo, xác báo tàu thuyền đến, rời cảng biển; xác báo thông tin điều động tàu thuyền

1. Thông báo, xác báo tàu thuyền đến, rời cảng biển thực hiện theo quy định tại các Điều 87, Điều 88 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP hoặc quy định liên quan về thủ tục điện tử cho tàu thuyền.

2. Việc xác báo thông tin điều động tàu thuyền thực hiện theo quy định sau:

a) Chậm nhất ngay trước thời điểm điều động và ngay sau khi kết thúc việc điều động, tàu thuyền phải xác báo cho Trung tâm VTS Vũng Tàu biết.

b) Thuyền trưởng tàu thuyền có hoa tiêu có thể uỷ quyền cho hoa tiêu dẫn tàu thực hiện các yêu cầu quy định tại điểm a khoản 2 Điều này.

Điều 7. Điều động tàu thuyền trong vùng nước cảng biển

1. Việc điều động tàu thuyền neo đậu, di chuyển vị trí, cập cầu, cập mạn hoặc tiến hành các hoạt động hàng hải khác trong vùng nước cảng biển theo quy định tại Điều 62, Điều 65, Điều 66, Điều 68, Điều 103 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, tàu thuyền khi hoạt động tại vùng nước cảng biển phải chấp hành quy định tại khoản 3 Điều 63 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và Quy chế quản lý, vận hành, khai thác hệ thống giám sát và điều phối giao thông hàng hải Sài Gòn - Vũng Tàu.

Điều 8. Thủ tục tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, đến, rời cảng biển; quá cảnh

1. Thủ tục tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh, đến, rời cảng biển và tàu thuyền nước ngoài quá cảnh Việt Nam đến Campuchia qua sông Tiền thực hiện theo quy định tại các Mục 2, Mục 3, Mục 4 và Mục 5 của Chương IV Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Quy định miễn, giảm thủ tục tàu thuyền vào, rời cảng biển đối với các trường hợp đặc biệt theo quy định tại Điều 74 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

3. Tàu thuyền thực hiện thủ tục điện tử theo quy định tại Mục 3 Chương IV Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, khoản 7 Điều 1 Nghị định số 74/2023/NĐ-CP ngày

11/10/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực hàng hải Nghị định số 85/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 của Chính phủ quy định thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa quốc gia, cơ chế một cửa ASEAN và kiểm tra chuyên ngành đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, Quyết định số 34/2016/QĐ-TTg ngày 23/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ quy định thủ tục điện tử đối với tàu thuyền vào, rời cảng biển, cảng thủy nội địa, cảng dầu khí ngoài khơi thông qua Cơ chế một cửa quốc gia và các quy định liên quan khác của pháp luật.

4. Địa điểm làm thủ tục

Trừ trường hợp địa điểm làm thủ tục được thực hiện tại tàu theo hướng dẫn tại khoản 3 Điều 77 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, địa điểm làm thủ tục như sau:

- a) Trụ sở Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu.
- b) Đại diện Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu tại Phú Mỹ.
- c) Đại diện Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu tại Côn Đảo.
- d) Đại diện Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu tại Thị Vải.

5. Các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm áp dụng công nghệ thông tin để thực hiện thủ tục điện tử đối với tàu thuyền theo quy định.

Điều 9. Thủ tục đối với các hoạt động hàng hải liên quan khác tại cảng biển

1. Ngoài thủ tục tàu thuyền nhập cảnh, xuất cảnh; đến, rời cảng biển và quá cảnh, thủ tục đối với các hoạt động hàng hải liên quan khác tại cảng biển thực hiện theo hướng dẫn tại **Phụ lục 4** kèm theo Nội quy này.

2. Địa điểm làm thủ tục: theo quy định tại khoản 4 Điều 8 Nội quy này.

Mục 3

HOẠT ĐỘNG CỦA TÀU THUYỀN TẠI CẢNG BIỂN

Điều 10. Lệnh điều động của Giám đốc Cảng vụ hàng hải

1. Lệnh điều động của Giám đốc Cảng vụ Hàng hải được thể hiện qua các hình thức sau:

- a) Kế hoạch điều động tàu thuyền.
- b) Lệnh điều động.
- c) Giấy phép chạy thử tàu.
- d) Giấy phép rời cảng.

đ) Giấy phép quá cảnh.

e) Giấy phép vào/rời cảng, bến (đối với phương tiện thủy nội địa).

g) Lệnh điều động trực tiếp qua VHF, điện thoại hoặc hình thức phù hợp khác trong các trường hợp khẩn cấp.

2. Sau khi nhận được lệnh điều động, trường hợp xét thấy không đủ điều kiện thực hiện, thuyền trưởng hoặc tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm kịp thời báo cáo Cảng vụ Hàng hải biết, xử lý.

3. Chậm nhất 17 giờ 00 phút hàng ngày, Cảng vụ Hàng hải gửi Kế hoạch điều động tàu ngày hôm sau cho Trung tâm VTS Vũng Tàu để phối hợp thông báo kịp thời đến tổ chức, cá nhân, tàu thuyền liên quan và cập nhật kế hoạch lên trang thông tin điện tử tại địa chỉ: <http://www.cangvuhanghaivungtau.gov.vn>.

Điều 11. Hành trình của tàu thuyền trong vùng nước cảng biển

Khi hành trình trong vùng nước cảng biển, tàu thuyền phải chấp hành quy định tại Thông tư số 19/2013/TT-BGTVT ngày 06/8/2013 của Bộ Giao thông vận tải quy định việc áp dụng Quy tắc quốc tế về phòng ngừa đâm va tàu thuyền trên biển và các yêu cầu sau:

1. Duy trì liên lạc với Trung tâm VTS Vũng Tàu và chấp hành chỉ dẫn hoặc khuyến cáo của Giám sát viên hoặc Điều hành viên thuộc Trung tâm VTS Vũng Tàu.

2. Nếu điều kiện thực tế cho phép và đảm bảo an toàn, phải bám càng sát càng tốt mép luồng phía mạn phải của tàu. Nghiêm cấm tàu thuyền hành trình cắt hướng gây trở ngại cho tàu thuyền khác đang hành trình trên luồng.

3. Tàu cá và tàu thuyền nhỏ khác nếu có thể hành trình an toàn ngoài luồng thì không được gây trở ngại đến hành trình của tàu thuyền lớn chỉ có thể hành trình an toàn trong phạm vi giới hạn của luồng.

4. Tuân thủ quy định khi tàu hành trình trên đoạn luồng một chiều.

5. Trừ trường hợp điều động để tránh nguy cơ đâm va trước mắt, nếu điều kiện kỹ thuật tàu thuyền cho phép và không có quy định khác, tàu thuyền phải hành trình với tốc độ (tốc độ chuyển động của tàu so với đáy biển) giới hạn như sau:

a) Luồng sông Dinh, luồng Bến Đầm - Côn Đảo, luồng Côn Sơn tốc độ không quá 08 hải lý/giờ.

b) Luồng Vũng Tàu - Thị Vải, luồng Vũng Tàu - Sài Gòn (đoạn thuộc vùng nước cảng biển) tốc độ không quá 10 hải lý/giờ. Riêng tàu container có trọng tải toàn phần (trọng tải) trên 60.000 DWT và tàu khách hoạt động tuyến quốc tế hành trình trên luồng Vũng Tàu – Thị Vải đoạn từ Phao báo hiệu hàng hải số “0” đến Phao báo hiệu hàng hải số “20” tốc độ không quá 12 hải lý/giờ.

c) Đoạn luồng nối từ luồng Vũng Tàu – Thị Vải vào Cầu cảng Hydrocarbon thuộc Bến cảng chuyên dùng Dự án Tổ hợp hóa dầu miền Nam Việt Nam tốc độ không quá 08 hải lý/giờ.

d) Đoạn luồng nối từ luồng Vũng Tàu – Thị Vải vào Bến cảng Khu dịch vụ công nghiệp Long Sơn tốc độ không quá 08 hải lý/giờ.

6. Việc hạn chế tốc độ quy định tại khoản 5 Điều này không áp dụng đối với các tàu thuyền: công vụ, cứu hỏa, cứu nạn khi đang làm nhiệm vụ và tàu thuyền cao tốc.

7. Tàu thuyền phải phải chủ động di chuyển với tốc độ an toàn khi hành trình tại khu vực sau đây:

a) Vào, rời Vùng đón trả hoa tiêu hoặc các vị trí neo đậu thuộc Khu neo đậu Vũng Tàu.

b) Đoạn luồng trên sông Dinh, từ hạ lưu Bến cảng Vietsovpetro đến thượng lưu Bến cảng Vạn An.

c) Đoạn luồng trên sông Thị Vải, từ hạ lưu **Bến cảng Xăng dầu Petro Vũng Tàu** đến thượng lưu Bến cảng Posco (đoạn cong chữ S) và từ hạ lưu Bến cảng Baria Serece đến thượng lưu Bến cảng SITV.

Điều 12. Hoạt động tại các cảng dầu khí ngoài khơi và khu vực thăm dò dầu khí ngoài khơi

1. Nghiêm cấm tàu thuyền vào Vùng an toàn của các cảng dầu khí ngoài khơi khi chưa được Cảng vụ Hàng hải chấp thuận.

2. Các doanh nghiệp quản lý, khai thác cảng dầu khí ngoài khơi phải tổ chức thực hiện cảnh giới 24/24 giờ tại Vùng an toàn theo quy định để đảm bảo an toàn hàng hải, an ninh hàng hải và phòng ngừa ô nhiễm môi trường.

3. Ngoài việc duy trì đầy đủ các đèn hiệu, dấu hiệu, âm hiệu cảnh báo cần thiết theo quy định, tại các cảng dầu khí ngoài khơi, khu vực thăm dò dầu khí ngoài khơi phải thường xuyên phát thoại trên kênh 16 VHF bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh để thông báo cho các tàu thuyền đang hoạt động trong khu vực biết.

4. Doanh nghiệp quản lý, khai thác cảng dầu khí ngoài khơi phải thực hiện các biện pháp bảo vệ công trình theo quy định tại Điều 124, Điều 125, Điều 126, Điều 127 Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015 và phải xây dựng, phê duyệt Phương án bảo vệ cảng dầu khí ngoài khơi theo quy định tại Nghị định số 143/2017/NĐ-CP ngày 14/12/2017 của Chính phủ quy định về bảo vệ công trình hàng hải; hàng năm tổ chức rà soát, sửa đổi, bổ sung nếu thấy cần thiết và kịp

thời gửi Phương án bảo vệ công trình cho Cảng vụ Hàng hải để kiểm tra, giám sát theo quy định.

5. Trước khi sử dụng tàu thuyền tiến hành hoạt động thăm dò tại khu vực thăm dò dầu khí ngoài khơi, doanh nghiệp liên quan phải đề nghị Cảng vụ Hàng hải xem xét, ra Thông báo hàng hải về khu vực biển hạn chế hoạt động hàng hải theo quy định tại khoản 7 Điều 44, khoản 2 Điều 45 và Điều 54 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

6. Tàu biển chở hàng từ 500 GT trở lên và giàn khoan di động khi hoạt động tại khu vực thăm dò dầu khí ngoài khơi phải chấp hành quy định tại khoản 1 Điều 106 Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015.

7. Thủ tục tàu biển, giàn di động hay các tàu thuyền công trình khác nhập, xuất cảnh, vào, rời khu vực thăm dò dầu khí ngoài khơi áp dụng theo quy định tại Điều 91 Nghị định 58/2017/NĐ-CP và quy định liên quan khác của pháp luật.

Điều 13. Yêu cầu đối với tàu thuyền neo đậu

1. Tàu thuyền neo đậu trong vùng nước cảng biển phải chấp hành các quy định liên quan tại Điều 62, Điều 65, Điều 66 Điều 69 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và tổ chức trực canh trên VHF (kênh 16) để kịp thời tiếp nhận thông tin an toàn hay yêu cầu của Cảng vụ Hàng hải hoặc chỉ dẫn, khuyến cáo an toàn của Điều hành viên Trung tâm VTS Vũng Tàu.

2. Khi cần thay đổi vị trí neo đậu đã được chỉ định, thuyền trưởng phải thông báo, đề nghị kịp thời đến Cảng vụ Hàng hải hoặc Trung tâm VTS Vũng Tàu và chỉ khi được chấp thuận mới tiến hành điều động tàu đến vị trí neo đậu mới theo chỉ định, trừ trường hợp bất khả kháng hay để tránh một nguy cơ đâm va trước mắt.

3. Phương tiện thủy nội địa, tàu cá chỉ được neo đậu tại vị trí được Cảng vụ Hàng hải chỉ định.

4. Trung tâm VTS Vũng Tàu có trách nhiệm phối hợp với Cảng vụ Hàng hải trong việc bố trí neo đậu cho tàu thuyền có nhu cầu neo đậu và giám sát tàu thuyền neo đậu tại cảng biển.

Điều 14. Cập cầu, cập mạn tàu thuyền

1. Trừ tàu công vụ, tàu hoa tiêu đang làm nhiệm vụ và các trường hợp khẩn cấp, cấm tàu thuyền cập mạn tàu thuyền khác khi chưa được Cảng vụ Hàng hải chấp thuận.

2. Việc cập mạn tàu thuyền trong vùng nước cảng biển thực hiện theo quy định tại Điều 68, Điều 115 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các yêu cầu sau đây:

a) Tàu thuyền cập mạn để cấp nhiên liệu, chuyển tải dầu hay các loại hàng nguy hiểm khác chỉ được cập mạn hàng một.

b) Thuyền trưởng tàu thuyền liên quan phải thỏa thuận, thống nhất áp dụng các biện pháp cần thiết nhằm đảm bảo an toàn khi cập mạn.

c) Chỉ khi có kế hoạch chính xác về thời gian làm hàng, tàu thuyền mới được phép hành trình từ vị trí tập kết đến vị trí cập mạn.

3. Hoạt động cập mạn, cập cầu và neo đậu tại bến cảng của tàu thuyền tuân thủ theo quy định tại Điều 62 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về cảng biển, Tiêu chuẩn cơ sở: “Quy trình khai thác kỹ thuật công trình cảng biển và khu nước” liên quan được cơ quan thẩm quyền công bố.

Điều 15. Hoạt động của tàu thuyền vận chuyển hành khách, du thuyền

1. Hoạt động của tàu thuyền vận chuyển hành khách

Thực hiện theo quy định tại Điều 110 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các yêu cầu sau:

a) Trước khi khởi hành, thuyền trưởng tàu vận chuyển hành khách có trách nhiệm phân công, chỉ đạo nhân viên phục vụ hoặc thuyền viên hướng dẫn, cung cấp cho hành khách biết thông tin về nội quy đi tàu; vị trí và cách sử dụng các trang thiết bị cứu sinh; lối đi và biện pháp thoát hiểm trong trường hợp xảy ra tai nạn, sự cố hàng hải.

b) Hàng năm, chủ tàu vận chuyển hành khách phải xây dựng kế hoạch và tổ chức thực tập, huấn luyện thuyền bộ và nhân viên phục vụ làm việc trên tàu kiến thức, kỹ năng về công tác cứu sinh, cứu hỏa, sơ cứu, quản lý đám đông nhằm ứng phó kịp thời, hiệu quả khi có tình huống khẩn cấp xảy ra.

c) Các đèn trang trí (nếu có) trên tàu nhà hàng – du lịch, tàu chở khách phải được thiết kế và sử dụng sao cho không thể nhầm lẫn hoặc làm ảnh hưởng tới tính năng, tầm chiếu sáng hay khả năng phát hiện từ xa đối với các báo hiệu hàng hải hoặc bất kỳ đèn hiệu, dấu hiệu hàng hải nào khác được trang bị trên tàu thuyền theo quy định.

2. Hoạt động của du thuyền

Hoạt động của du thuyền, thuyền viên làm việc trên du thuyền và bến neo đậu trên du thuyền thực hiện theo quy định của pháp luật liên quan.

Điều 16. Hoạt động của tàu thuyền trên các tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo

Ngoài việc thực hiện theo quy định tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, Thông tư số 16/2013/TT-BGTVT ngày 30/7/2013 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam, Thông tư số

24/2022/TT-BGTVT ngày 13/10/2022 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam và các quy định liên quan khác của pháp luật, chủ tàu khách hoạt động trên các tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo (trong đó có một đầu tuyến là Côn Đảo) có trách nhiệm như sau:

1. Tổ chức trực, theo dõi, kiểm tra, giám sát hoạt động của tàu khách kể từ thời điểm tàu khách bắt đầu tiếp nhận hành khách xuống tàu, tàu rời bến đến khi tàu cập bến an toàn ở cảng cuối của hành trình.

2. Tổ chức khai thác tàu khách chạy trên tuyến vào ban ngày, trong điều kiện khí tượng, thủy văn phù hợp và theo lịch chạy tàu được đăng ký với cơ quan chức năng.

(Thời gian hành trình ban ngày tính từ 05 giờ 00 phút đến 18 giờ 00 phút hàng ngày).

Điều 17. Hoạt động xây dựng, thi công kết cấu hạ tầng cảng biển và các công trình trong vùng nước cảng biển

1. Trước khi tiến hành hoạt động nạo vét luồng hàng hải, khu nước, vùng nước hoặc thi công công trình trong vùng nước cảng biển, chủ đầu tư có trách nhiệm lập Phương án bảo đảm an toàn giao thông hoặc Phương án bảo đảm an toàn hàng hải trình Cảng vụ Hàng hải phê duyệt theo quy định pháp luật liên quan.

2. Tàu thuyền tham gia hoạt động nạo vét hoặc thi công công trình trong vùng nước cảng biển phải thực hiện thủ tục xin phép hoạt động theo quy định.

3. Trong quá trình hoạt động xây dựng, thi công kết cấu hạ tầng cảng biển và các công trình trong vùng nước cảng biển, chủ đầu tư, tổ chức, cá nhân và tàu thuyền liên quan phải chấp hành Phương án bảo đảm an toàn giao thông, Phương án bảo đảm an toàn hàng hải được Cảng vụ Hàng hải phê duyệt.

Mục 4

DỊCH VỤ HOA TIÊU HÀNG HẢI

Điều 18. Yêu cầu đối với dịch vụ hoa tiêu hàng hải

1. Dịch vụ hoa tiêu hàng hải trong vùng nước cảng biển phải thực hiện theo quy định tại Chương XI Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015, Mục 6 Chương IV Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định liên quan khác của pháp luật.

2. Để bảo đảm chất lượng dịch vụ hoa tiêu hàng hải và phòng ngừa trường hợp hoa tiêu dẫn tàu thiếu cẩn thận hoặc có sai sót về chuyên môn nghiệp vụ hàng hải trong quá trình dẫn tàu, tổ chức hoa tiêu có trách nhiệm:

a) Tổ chức xây dựng, ban hành “Quy trình dẫn tàu an toàn” và quán triệt trong đơn vị.

b) Tổ chức nghiên cứu, khuyến cáo an toàn, hướng dẫn hoa tiêu dẫn tàu đánh giá sự sai lệch giữa thiết bị hỗ trợ dẫn tàu – PPU (Pilot Portable Unit) với thực địa, thực tế; ưu, nhược điểm của thiết bị PPU mà hoa tiêu được trang bị, sử dụng (nếu có) và quán triệt hoa tiêu trách nhiệm vận dụng hài hòa giữa phương pháp, kỹ thuật dẫn tàu truyền thống với tham khảo, sử dụng hợp lý dữ liệu, thông tin do hệ thống trang thiết bị hàng hải trên tàu và thiết PPU cung cấp trong quá trình dẫn tàu. Đồng thời phối hợp với nhà cung cấp thiết bị PPU (nếu có) tổ chức tập huấn, đào tạo nội bộ kỹ năng sử dụng thiết bị PPU trong quá trình dẫn tàu.

Điều 19. Lập kế hoạch, thông báo, xác báo kế hoạch dẫn tàu

1. Việc lập kế hoạch, thông báo, xác báo kế hoạch dẫn tàu và triển khai thực hiện kế hoạch điều động tàu thuyền hàng ngày của Cảng vụ Hàng hải thực hiện theo quy định tại Điều 103 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP (*nội dung Kế hoạch dẫn tàu theo mẫu tại Phụ lục 5 kèm theo Nội quy này*).

2. Hàng ngày, các tổ chức hoa tiêu hoạt động trong vùng nước cảng biển có trách nhiệm trao đổi thông tin và phối hợp lập kế hoạch dẫn tàu phù hợp, đảm bảo dẫn tàu hành trình an toàn trên tuyến dẫn tàu được giao.

3. Tổ chức hoa tiêu hàng hải có trách nhiệm thông báo kịp thời đến hoa tiêu được phân công dẫn tàu về Kế hoạch điều động tàu thuyền hàng ngày của Cảng vụ Hàng hải và những thay đổi (nếu có).

Điều 20. Yêu cầu khi đón, trả hoa tiêu

Tàu thuyền khi đến gần tàu hoa tiêu để đón hoặc trả hoa tiêu phải giảm tốc độ đến mức thấp nhất đủ để ăn lái, giữ liên lạc với tàu hoa tiêu trên kênh VHF được chỉ định và bố trí thang hoa tiêu theo quy định ở mạn dưới gió hoặc theo yêu cầu của hoa tiêu dẫn tàu để hoa tiêu lên, rời tàu an toàn. Thang hoa tiêu phải đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định, được chiếu sáng vào ban đêm, bố trí người trực và trang thiết bị cứu sinh theo quy định.

Điều 21. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của hoa tiêu hàng hải khi dẫn tàu

1. Hoa tiêu hàng hải khi dẫn tàu thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm theo quy định tại Điều 251, Điều 253 Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015 và Điều 104, Điều 105 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

2. Trừ trường hợp dẫn tàu tại các cảng dầu khí ngoài khơi và cảng biển khu vực Côn Đảo, hoa tiêu dẫn tàu có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Trung tâm VTS Vũng Tàu biết các thông tin sau:

a) Thời điểm lên hoặc rời tàu.

b) Khi có nhiều tàu cùng tiếp cận “Vùng đón trả hoa tiêu” để tiếp nhận chỉ dẫn, khuyến cáo an toàn của Điều hành viên Trung tâm VTS Vũng Tàu.

c) Thực hiện quy định khác theo Quy chế quản lý, vận hành, khai thác của hệ thống giám sát và điều phối giao thông hàng hải Sài Gòn - Vũng Tàu.

3. Trường hợp tàu mình đang dẫn xảy ra tai nạn, sự cố hàng hải hoặc vi phạm các quy định của pháp luật, hoa tiêu phải thông báo ngay cho Cảng vụ Hàng hải biết và chậm nhất 24 giờ sau khi trở lại bờ phải gửi báo cáo bằng văn bản cho Cảng vụ Hàng hải. Nội dung báo cáo phải nêu rõ: tên hoa tiêu, tên tàu, điều kiện hàng hải khu vực dẫn tàu, diễn biến vụ việc và biện pháp khắc phục hậu quả đã được tiến hành, kết quả thực hiện các biện pháp đó và kiến nghị (nếu có).

Điều 22. Trách nhiệm, nghĩa vụ của thuyền trưởng khi tự dẫn tàu

Trong trường hợp được phép tự dẫn tàu theo quy định tại khoản 2 Điều 104 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, chậm nhất 02 giờ trước khi điều động tàu trong vùng nước cảng biển, thuyền trưởng hoặc chủ tàu phải thông báo cho Cảng vụ Hàng hải biết việc thuyền trưởng tự dẫn tàu và phải xuất trình Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn hoa tiêu hàng hải, Giấy chứng nhận vùng hoạt động hoa tiêu hàng hải khi được yêu cầu.

Điều 23. Trách nhiệm phối hợp giữa hoa tiêu, thuyền trưởng tàu lai dắt, thuyền trưởng tàu được lai và doanh nghiệp cảng

Trước khi điều động, dẫn tàu vào, rời cầu cảng, bến phao thuyền trưởng hoặc hoa tiêu phải liên lạc với thuyền trưởng tàu lai dắt (đối với tàu sử dụng tàu lai dắt hỗ trợ) và doanh nghiệp cảng để kiểm tra tính sẵn sàng của tàu lai dắt, cầu cảng, bến phao. Trong trường hợp tàu lai dắt, cầu cảng, bến phao, công nhân buộc cởi dây chưa sẵn sàng, thuyền trưởng hoặc hoa tiêu dẫn tàu phải thông báo ngay cho Trung tâm điều hành hệ thống VTS hoặc Cảng vụ Hàng hải để có biện pháp xử lý kịp thời.

Mục 5

LAI DẮT HỖ TRỢ TRONG VÙNG NƯỚC CẢNG BIỂN

Điều 24. Sử dụng tàu lai dắt hỗ trợ

Việc sử dụng tàu lai dắt hỗ trợ trong vùng nước cảng biển theo quy định tại Điều 64 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và quy định sau:

1. Trong điều kiện hàng hải bình thường, tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 80 m trở lên khi điều động cập, rời cầu cảng, bến phao; cập mạn tàu thuyền khác; di chuyển vị trí, quay trở trong phạm vi vùng nước trước bến cảng, vùng nước bến phao phải sử dụng tàu lai hỗ trợ theo quy định sau:

a) Đối với cảng dầu khí ngoài khơi

Số lượng, công suất tàu lai được sử dụng căn cứ tính năng tàu lai, thiết kế bến cảng và yêu cầu an toàn trong hoạt động, quản lý rủi ro tại các cảng dầu khí ngoài khơi và quy định sau:

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất dưới 200 m, sử dụng ít nhất một tàu lai với công suất máy chính tối thiểu 4.000 HP.

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 200m đến dưới 250m: phải sử dụng ít nhất một tàu lai với công suất máy chính tối thiểu 6.000 HP.

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 250m trở lên: phải sử dụng ít nhất một tàu lai với công suất máy chính tối thiểu 7.000 HP.

b) Đối với các bến cảng, bến phao khác

Tàu thuyền phải sử dụng tàu lai hỗ trợ có tổng công suất máy chính (HP) các tàu lai không nhỏ hơn 10% trọng tải toàn phần (DWT) tàu được lai và quy định sau:

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 80m đến dưới 100m, sử dụng tàu lai có công suất máy chính tối thiểu mỗi tàu 600 HP.

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 100m đến dưới 125m, sử dụng tàu lai có công suất máy chính tối thiểu mỗi tàu 800 HP.

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 125m đến dưới 150m, sử dụng tàu lai có công suất máy chính tối thiểu mỗi tàu 1.000 HP.

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 150m đến dưới 175m, sử dụng tàu lai có công suất máy chính tối thiểu mỗi tàu 1.200 HP.

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 175m đến dưới 200m, sử dụng tàu lai có công suất máy chính tối thiểu mỗi tàu 1.500 HP.

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 200m đến dưới 225m, sử dụng tàu lai có công suất máy chính tối thiểu mỗi tàu 2.000 HP.

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 225m đến dưới 250m, sử dụng tàu lai có công suất máy chính tối thiểu mỗi tàu 2.400 HP.

- Tàu thuyền có chiều dài lớn nhất từ 250m trở lên, sử dụng tàu lai có công suất máy chính tối thiểu mỗi tàu 3.000 HP.

Ngoài quy định nêu trên, tàu dầu (có tải) có chiều dài lớn nhất trên 100m phải sử dụng tối thiểu 02 tàu lai hỗ trợ khi điều động cập, rời cầu cảng.

c) Công suất, số lượng, loại tàu lai hỗ trợ đối với tàu đến, rời cảng có trọng tải toàn phần lớn hơn trọng tải toàn phần của tàu mà cảng được tiếp nhận theo Quyết định công bố cảng (sau đây gọi tắt là tàu trọng tải lớn) thực hiện theo Phương án bảo đảm an toàn hàng hải cho tàu trọng tải lớn vào, rời cảng được Cục Hàng hải Việt Nam phê duyệt và văn bản liên quan khác của Bộ Giao thông vận tải, của Cục Hàng hải Việt Nam.

2. Trong điều kiện hàng hải không bình thường, Giám đốc Cảng vụ Hàng hải xem xét, quy định cụ thể số lượng, công suất, tính năng tàu lai dắt hỗ trợ tàu thuyền trên cơ sở tham khảo ý kiến đề nghị của thuyền trưởng/ chủ tàu, tổ chức hoa tiêu hàng hải và doanh nghiệp cảng liên quan.

Điều 25. Miễn, giảm tàu lai dắt hỗ trợ

Đối với tàu thuyền có thiết bị hỗ trợ điều động, Giám đốc Cảng vụ Hàng hải xem xét miễn hoặc giảm số lượng, công suất tàu lai trên cơ sở tính năng của thiết bị hỗ trợ, kiến nghị của thuyền trưởng, tổ chức hoa tiêu hàng hải, doanh nghiệp cảng liên quan và các điều kiện thực tế khác.

Điều 26. Trách nhiệm của thuyền trưởng, hoa tiêu tàu được lai dắt, hỗ trợ và trách nhiệm của người chỉ huy Đoàn tàu lai dắt, thuyền trưởng tàu lai

1. Trách nhiệm của thuyền trưởng, hoa tiêu tàu được lai dắt và thuyền trưởng tàu lai

a) Thuyền trưởng, hoa tiêu tàu được lai dắt và thuyền trưởng tàu lai dắt hỗ trợ có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Cảng vụ Hàng hải biết việc cung cấp tàu lai dắt chậm trễ hoặc không đủ số lượng, công suất, loại tàu lai dắt hỗ trợ theo quy định.

b) Trước khi đến vị trí thỏa thuận sử dụng dịch vụ lai dắt, thuyền trưởng tàu lai dắt và thuyền trưởng tàu được lai dắt phải trao đổi, thống nhất phương pháp lai dắt hỗ trợ; vị trí để buộc dây lai hoặc vị trí lai đẩy, nếu tàu được lai dắt có những vị trí đặc biệt để sử dụng cho việc tàu lai đẩy thì phải thông báo cho thuyền trưởng tàu lai dắt biết.

c) Trường hợp tàu được lai dắt có hoa tiêu dẫn tàu ở trên tàu, thuyền trưởng có thể trao đổi, ủy quyền cho hoa tiêu liên lạc với thuyền trưởng tàu lai dắt.

d) Sử dụng dây lai dắt phải phù hợp và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật theo quy định.

đ) Dây mồi phải chuẩn bị sẵn sàng để sử dụng trong trường hợp đưa dây lai

dắt không thành công.

e) Đối với tàu thuyền có chiều dài lớn nhất trên 100 m phải có một dây buộc tàu chuẩn bị sẵn sàng phía trước mũi để có thể kết nối với tàu lai dắt trong tình huống khẩn cấp.

g) Tại các cảng dầu khí ngoài khơi, dây kết nối giữa tàu lai dắt và tàu nhận dầu phải là dây chuyên dùng, bảo đảm an toàn. Nghiêm cấm trường hợp kết hợp, đấu nối giữa dây cáp của tàu lai dắt với dây buộc tàu của tàu nhận dầu thô làm dây lai.

2. Trách nhiệm của người chỉ huy Đoàn tàu lai dắt

a) Khi hoạt động trong vùng nước cảng biển, trường hợp tàu được lai dắt không có thuyền trưởng hoặc đại phó, Giám đốc Cảng vụ Hàng hải sẽ xem xét, chỉ định người chỉ huy Đoàn tàu lai dắt trên cơ sở đề nghị của chủ tàu, người quản lý khai thác tàu hoặc của đơn vị đại diện pháp luật khác.

b) Quyền chỉ huy lai dắt tàu biển và hoạt động của Đoàn tàu lai dắt thực hiện theo quy định tại Điều 259 Bộ luật hàng hải Việt Nam năm 2015 và các quy định liên quan khác của pháp luật.

Mục 6 **AN TOÀN HÀNG HẢI**

Điều 27. Yêu cầu chung về bảo đảm an toàn hàng hải

1. Tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định tại Mục 1, Chương V Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định liên quan khác của pháp luật.

2. Bảo đảm an toàn khi tàu thuyền quay trở

a) Trừ tàu lai dắt đang làm nhiệm vụ hỗ trợ tàu thuyền quay trở, tàu thuyền khác không được vượt qua hay điều động vào Vùng quay tàu hay khu vực tàu quay trở khi ở đó đang có tàu thuyền quay trở.

b) Tàu thuyền trước, trong khi quay trở phải tăng cường cảnh giới và sử dụng các hình thức thông tin phù hợp để báo cho các tàu thuyền khác đang đến gần biết về tình trạng hiện tại cũng như dự kiến điều động của tàu mình ngay từ khi những tàu thuyền đó còn ở khoảng cách an toàn.

c) Khi điều kiện thực tế cho phép và không có quy định khác, tàu thuyền có thể điều động quay trở tại khu vực thủy điện bến cảng, bến phao để rời hoặc cập

cầu cảng, bến phao hay rời, cập mạn tàu thuyền nếu đảm bảo an toàn và không ảnh hưởng tới hành trình, neo đậu của tàu thuyền khác.

Điều 28. Phương án bảo đảm an toàn hàng hải

Ngoài thực hiện theo quy định tại Điều 8 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm trình Cảng vụ Hàng hải xem xét, chấp thuận phương án bảo đảm an toàn hàng hải đối với tàu thuyền hoạt động trong vùng nước cảng biển trong các trường hợp sau:

1. Hành trình của đoàn tàu lai dắt có tổng chiều dài đoàn lai vượt quá 200m.
2. Khi tiến hành diễn tập tìm kiếm cứu nạn; phòng cháy chữa cháy; ứng phó sự cố ô nhiễm dầu tràn; an ninh hàng hải hoặc tổ chức thi đấu, biểu diễn thể thao, văn hóa ảnh hưởng đến hoạt động hàng hải .
3. Vận chuyển hàng hóa siêu trường, siêu trọng hoặc sửa chữa, thay thế báo hiệu hàng hải có nguy cơ gây mất an toàn hàng hải.
4. Khi tổ chức lai dắt, cứu hộ tàu thuyền bị tai nạn, sự cố hàng hải có nguy cơ gây mất an toàn hàng hải.
5. Khi tiến hành hạ thủy tàu biển từ các cơ sở đóng mới, sửa chữa tàu biển hoặc khi tiến hành hạ thủy cấu kiện công trình siêu trường, siêu trọng.

Điều 29. Phân luồng giao thông trong vùng nước cảng biển

Tàu thuyền hành trình trên hệ thống phân luồng hàng hải tại khu vực Vịnh Gành Rái thuộc vùng nước cảng biển phải tuân thủ quy định tại Điều 10 Thông tư số 19/2013/TT-BGTVT ngày 06/8/2013 của Bộ Giao thông vận tải quy định việc áp dụng Quy tắc quốc tế về phòng ngừa đâm va tàu thuyền trên biển; Nội quy cảng biển Bà Rịa – Vũng Tàu, các văn bản của cấp thẩm quyền liên quan đến công bố, hướng dẫn an toàn cho tàu thuyền hoạt động trên hệ thống phân luồng và theo sự chỉ dẫn, khuyến cáo an toàn của Cảng vụ Hàng hải, của Điều hành viên Trung tâm VTS Vũng Tàu.

Điều 30. Phòng chống thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động tại cảng biển có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh nghĩa vụ tìm kiếm, cứu nạn quy định tại Điều 107 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.
2. Nghiêm cấm mọi hành vi sử dụng các trang thiết bị thông tin liên lạc trên tàu hoặc các trang thiết bị, vật dụng khác để phát tín hiệu cấp cứu giả. Trường hợp bất khả kháng hay do sơ suất trong khi sử dụng các trang thiết bị phát tín hiệu cấp cứu như phao EPIRB, MF/HF, VHF, DSC ..., thuyền trưởng phải thông

báo ngay cho Cảng vụ Hàng hải, đồng thời dùng mọi biện pháp để thông báo huỷ bỏ các tín hiệu cấp cứu đã phát trước đó.

3. Doanh nghiệp quản lý, khai thác cảng, bến phao, đóng mới, sửa chữa tàu thuyền hoặc doanh nghiệp thực hiện các dịch vụ hàng hải khác tại cảng biển có trách nhiệm kịp thời cung cấp thông tin phục vụ công tác phòng, chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn và thực hiện các yêu cầu, hướng dẫn liên quan khác của Cảng vụ Hàng hải, của Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm, cứu nạn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Điều 31. Xử lý tai nạn hàng hải và sự cố hàng hải

1. Tổ chức, cá nhân hoạt động tại cảng biển phải có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định tại Điều 107 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và quy định pháp luật khác có liên quan.

2. Khi xảy ra tai nạn hoặc sự cố hàng hải, thuyền trưởng có trách nhiệm:

a) Khẩn trương tiến hành các biện pháp cần thiết đảm bảo an toàn cho người, tàu thuyền và tổ chức công tác tìm kiếm, cứu nạn nhanh chóng, kịp thời, hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tế.

b) Thông báo ngay cho Cảng vụ Hàng hải hoặc Trung tâm VTS Vũng Tàu biết, đồng thời phải tiến hành các biện pháp cần thiết nhằm giảm đến mức thấp nhất thiệt hại có thể xảy ra sau tai nạn, sự cố hàng hải.

c) Gửi Cảng vụ Hàng hải báo cáo tai nạn theo quy định về báo cáo và điều tra tai nạn hàng hải.

3. Trung tâm VTS Vũng Tàu có trách nhiệm kịp thời cung cấp cho Cảng vụ Hàng hải thông tin liên quan đến tai nạn, sự cố hàng hải, tình huống nguy cấp hay hành vi vi phạm hành chính liên quan đến hoạt động hàng hải của tàu thuyền.

4. Khi tai nạn, sự cố hàng hải có khả năng gây ách tắc luồng hoặc nguy cơ gây ô nhiễm tràn dầu hay khả năng gây cháy nổ, thuyền trưởng có trách nhiệm báo cáo ngay cho Cảng vụ Hàng hải và chủ tàu, đồng thời chủ tàu, thuyền trưởng phải có nghĩa vụ triển khai kịp thời công tác cứu hộ, ứng phó để kịp thời ngăn chặn, hạn chế thấp nhất hậu quả do tai nạn, sự cố hàng hải gây ra.

Điều 32. Phòng, chống cháy, nổ

Thuyền trưởng, doanh nghiệp liên quan có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định về phòng, chống cháy nổ tại các Điều 113, Điều 114, Điều 115 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, Luật phòng cháy chữa cháy và yêu cầu sau đây:

1. Trước khi thực hiện chuyển tải xăng dầu hoặc hàng hóa nguy hiểm khác tại khu chuyển tải, bến phao phải xây dựng phương án phòng, chống cháy, nổ

trình Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu phê duyệt. Việc chuyển tải xăng dầu hoặc hàng hóa nguy hiểm khác chỉ được thực hiện khi đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về an toàn hàng hải, phòng ngừa ô nhiễm môi trường và phòng, chống cháy, nổ theo quy định.

2. Khi xảy ra sự cố cháy, nổ trong phạm vi vùng đất cảng, vùng nước thủy diện cảng, thuyền trưởng và doanh nghiệp cảng liên quan có trách nhiệm thực hiện việc ứng phó kịp thời và thông báo ngay cho Cảng vụ Hàng hải, Cảnh sát phòng cháy chữa cháy biết để phối hợp xử lý.

3. Định kỳ cuối Quý 1 hàng năm, doanh nghiệp cảng phải rà soát, bổ sung, sửa đổi phương án phòng, chống cháy, nổ trong phạm vi khu vực thuộc trách nhiệm quản lý, khai thác của doanh nghiệp cho phù hợp và sao gửi, báo cáo Cảng vụ Hàng hải biết, giám sát.

Điều 33. Hoạt động cấm đặng đáy, đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản trong vùng nước cảng biển

Nghiêm cấm hành vi cấm đặng đáy, đánh bắt và nuôi trồng thủy hải sản trên luồng hàng hải, hành lang bảo vệ luồng, vùng đón trả hoa tiêu, khu neo đậu, khu chuyển tải, vùng nước trước bến cảng, khu nước, vùng nước trong vùng nước cảng biển.

Mục 7

AN NINH HÀNG HẢI, LAO ĐỘNG HÀNG HẢI

Điều 34. Bảo đảm an ninh hàng hải

1. Tổ chức, cá nhân, tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển và doanh nghiệp quản lý, khai thác bến cảng thực hiện nghiêm chỉnh quy định tại Điều 106 Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015.

2. Tàu thuyền, bến cảng thuộc đối tượng áp dụng của Bộ luật Quốc tế về An ninh tàu biển và bến cảng (ISPS Code) phải chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật này và các quy định liên quan khác của pháp luật.

3. Cấp độ an ninh cảng biển được thông báo bằng văn bản hoặc cập nhật trên trang thông tin điện tử tại địa chỉ: <http://www.cangvuhanghaivungtau.gov.vn>.

Điều 35. Lao động hàng hải

Thực hiện theo quy định liên quan tại Điều 105, Điều 113 Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015, Nghị định số 121/2014/NĐ-CP ngày 24/12/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Công ước Lao động hàng hải năm

2006 về chế độ lao động của thuyền viên làm việc trên tàu biển, Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30/12/2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh và các quy định liên quan khác của pháp luật.

Mục 8

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Điều 36. Ngăn ngừa ô nhiễm môi trường từ hoạt động tàu thuyền; bảo vệ môi trường tại cảng biển

Tổ chức, cá nhân, tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh quy định tại Điều 128 Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015; Mục 2, Chương V Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định sau:

1. Việc chuyển tải dầu hoặc hàng hóa nguy hiểm độc hại khác chỉ được thực hiện tại vị trí do Cảng vụ Hàng hải chỉ định, trong điều kiện bảo đảm an toàn và thời tiết phù hợp. Khi thực hiện phải tuân thủ quy trình kỹ thuật an toàn bơm, chuyển hàng hóa và phải có phương tiện, trang thiết bị ứng cứu sự cố dầu tràn, phòng chống cháy nổ phù hợp thường trực tại vị trí làm hàng.

2. Doanh nghiệp cảng hoặc doanh nghiệp có chức năng hợp pháp khác khi tiếp nhận chất thải thu gom là các dung dịch khoan nền dầu, nước vỉa, mùn khoan .v.v... từ các hoạt động khảo sát, thăm dò, khai thác dầu khí hoặc chất thải rắn, chất thải nguy hại từ tàu thuyền phải lập, lưu giữ nhật ký tiếp nhận, lưu giữ, vận chuyển, xử lý chất thải theo quy định và có trách nhiệm báo cáo, cung cấp các thông tin, số liệu liên quan cho Cảng vụ Hàng hải khi được yêu cầu.

3. Chất thải thu gom từ hoạt động đóng tàu, sửa chữa tàu, phá dỡ tàu cũ (hạt nix, cát thải ...) phải được thu gom tập trung tại các bãi thải hoặc kho chứa phù hợp, có thiết bị che chắn nhằm tránh thấm thấu, khuếch tán vào môi trường không khí, đất, nước. Chất thải trong quá trình sửa chữa, cất dỡ từ tàu cũ phải được thu gom triệt để, phân loại theo tính chất để có biện pháp tái chế, tái sử dụng hoặc tiêu hủy phù hợp.

4. Chất thải nguy hại không được trộn lẫn với chất thải thông thường. Nếu trộn lẫn thì được thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý như chất thải nguy hại.

5. Ống chuyển dầu giữa tàu chứa, kho chứa và tàu nhận dầu tại các cảng dầu khí ngoài khơi, bến phao phải có van tự động khóa hoặc biện pháp phù hợp nhằm phòng tránh dầu tràn ra ngoài trong quá trình đấu nối hoặc thu ống.

Điều 37. Quản lý nước dằn tàu, thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền

1. Tàu thuyền, doanh nghiệp cảng hoặc tổ chức, đơn vị kinh doanh dịch vụ vệ sinh tàu thuyền khi hoạt động tại cảng biển phải thực hiện việc đổ rác, xả nước thải và nước dẫn tàu theo quy định tại Điều 117 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, Thông tư số 04/VBHN-BGTVT ngày 02/3/2021 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển và các quy định liên quan khác của pháp luật.

2. Rác sinh hoạt trên tàu thuyền phải được phân loại theo quy định và đựng trong vật chứa phù hợp để bàn giao cho đơn vị thu gom khi tàu đến cảng. Trừ trường hợp trên tàu có sử dụng lò đốt rác chuyên dùng, việc thu gom phải được tiến hành hàng ngày đối với tàu khách, hai ngày một lần đối với tàu thuyền nước ngoài và 4 ngày một lần đối với tàu thuyền Việt Nam.

3. Nước bẩn, cặn bẩn, dầu hoặc hợp chất có dầu và các loại chất độc hại khác phải được chứa vào két riêng và chuyển lên thiết bị thu gom trên bờ hoặc tàu chuyên dùng theo đúng quy định.

4. Tàu thuyền có nhu cầu thanh thải, xử lý chất thải lỏng lẫn dầu hoặc chất thải nguy hại khác phải khai báo với Cảng vụ Hàng hải tại ‘Bản khai chung’ khi tàu đến cảng và chỉ thực hiện sau khi được Cảng vụ Hàng hải chấp thuận.

Điều 38. Phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

Thuyền trưởng, doanh nghiệp cảng và các doanh nghiệp hoạt động hàng hải tại cảng biển có trách nhiệm chấp hành nghiêm chỉnh quy định liên quan tại Điều 118, Điều 119 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động ứng phó sự cố tràn dầu và các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động ứng phó sự cố môi trường.

Mục 9

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN, DOANH NGHIỆP HOẠT ĐỘNG TRONG LĨNH VỰC HÀNG HẢI

Điều 39. Trách nhiệm của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoa tiêu hàng hải

1. Tổ chức nghiên cứu, xây dựng và ban hành “Quy trình dẫn tàu an toàn”
2. Bố trí hoa tiêu dẫn tàu theo kế hoạch điều động tàu do Cảng vụ Hàng hải lập.
3. Thông báo kịp thời cho hoa tiêu được phân công dẫn tàu về Kế hoạch điều động tàu thuyền của Cảng vụ Hàng hải cung cấp và những thay đổi nếu có.
4. Cập nhật và thông báo cho hoa tiêu dẫn tàu các thông số kỹ thuật về bến

cảng, bến phao, khu vực neo đậu, khu vực chuyển tải, khu vực quay trở, độ sâu tuyến luồng... cũng như các yêu cầu kỹ thuật khi cập và rời cầu cảng, bến phao.

5. Việc hoa tiêu dẫn tàu sử dụng thiết bị hỗ trợ dẫn tàu - PPU (Pilot Portable Unit) để tham khảo, hỗ trợ trong quá trình dẫn tàu phải lưu ý đánh giá sự sai lệch dữ liệu giữa PPU so với thực địa và phải kết hợp giữa kỹ thuật dẫn tàu truyền thống với dữ liệu, thông tin do hệ thống máy móc, trang thiết bị hàng hải lắp đặt trên tàu cung cấp. Đồng thời tổ chức hoa tiêu phải có trách nhiệm nghiên cứu, khuyến cáo an toàn và các hạn chế của PPU đến các hoa tiêu hàng hải trực thuộc và xây dựng, tổ chức đào tạo, tập huấn nội bộ về kỹ năng sử dụng PPU trong quá trình dẫn tàu.

6. Thực hiện kê khai, niêm yết giá dịch vụ theo quy định tại Thông tư số 39/2023/TT-BGTVT ngày 25/12/2023 của Bộ Giao thông vận tải ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam (sau đây viết tắt là Thông tư số 39/2023/TT-BGTVT).

7. Kịp thời tổng hợp, cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước về hàng hải theo yêu cầu của Cảng vụ Hàng hải.

Điều 40. Trách nhiệm của doanh nghiệp cảng, bến phao; doanh nghiệp hoạt động bốc xếp tại các khu vực neo đậu, chuyển tải

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 37/2017/NĐ-CP ngày 04/4/2017 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh khai thác cảng, Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, Điều 22, Điều 37, Điều 67, Điều 112, Điều 113, Điều 114, Điều 117 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, các quy định liên quan khác của pháp luật và các yêu cầu sau đây:

1. Đối với doanh nghiệp cảng, bến phao

a) Trước khi tiến hành xây dựng cảng biển, bến cảng, cầu cảng, bến phao, chủ đầu tư gửi Cảng vụ Hàng hải bản sao quyết định đầu tư xây dựng công trình kèm theo bình đồ bố trí mặt bằng tổng thể, quyết định phê duyệt thiết kế xây dựng công trình và phương án đảm bảo an toàn hàng hải để tổ chức kiểm tra, giám sát theo quy định.

b) Sau khi hoàn thành thủ tục và được cấp thẩm quyền công bố mở cảng biển, bến cảng, cầu cảng hoặc bến phao, chủ đầu tư có trách nhiệm gửi Cảng vụ

Hàng hải các giấy tờ liên quan theo quy định tại khoản 1, Điều 13 hoặc khoản 3, Điều 14 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP để tổ chức quản lý.

c) Định kỳ cuối Quý 1 hàng năm, báo cáo Cảng vụ Hàng hải về điều kiện an toàn khai thác cảng, bến phao (giới hạn về điều kiện khí tượng, thủy văn; giới hạn vận tốc, góc tàu cập cầu cảng; khoảng cách tối thiểu mực nước dưới keel tàu khi tàu neo đậu tại cảng các yêu cầu hạn chế khác).

d) Thông báo bằng văn bản cho Cảng vụ Hàng hải trước khi tiến hành các hoạt động sửa chữa, cải tạo, nâng cấp cầu, bến cảng, bến phao hoặc tiến hành các hoạt động khác ảnh hưởng đến an toàn hàng hải tại cảng biển; chỉ tiến hành các hoạt động này khi được Cảng vụ Hàng hải chấp thuận.

đ) Bố trí công nhân lành nghề, được trang bị bảo hộ lao động phù hợp để phục vụ buộc, cởi dây và xếp dỡ hàng hóa. Tổ trưởng trực tiếp phụ trách công nhân buộc, cởi dây tại cầu cảng phải được trang bị VHF cầm tay để bảo đảm việc liên lạc, trao đổi với Thuyền trưởng hoặc hoa tiêu tàu thuyền liên quan và phải được thông báo rõ về kế hoạch, cách thức buộc, cởi dây để chuẩn bị sẵn sàng trước khi tàu vào hoặc rời cảng.

e) Trong thời gian điều động tàu thuyền cập, rời cầu cảng và trong thời gian không có tàu cập cầu, các cần cầu bờ không được vươn ra phía ngoài vùng nước trước cầu cảng. Trường hợp cần cầu vươn ra ngoài vùng nước trước cầu cảng phục vụ công tác sửa chữa, bảo dưỡng định kỳ hay thực hiện công việc cần thiết khác, doanh nghiệp cảng phải thông báo cho Cảng vụ Hàng hải biết; đồng thời, áp dụng biện pháp thích hợp nhằm bảo đảm an toàn theo quy định.

g) Ngay sau khi có kế hoạch tiếp nhận tàu thuyền, phải thông báo cho thuyền trưởng, đại lý của chủ tàu biết về thông số kỹ thuật của cầu cảng, bến phao và điều kiện an toàn khai thác.

h) Tàu thuyền sử dụng để phục vụ công tác bắt/ tháo dây buộc tàu tại bến phao phải đảm bảo định biên, tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định và chấp hành các quy định liên quan tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

i) Khi có tin bão, áp thấp nhiệt đới dự kiến ảnh hưởng trực tiếp vào khu vực phải:

- Tổ chức lực lượng thường trực 24/24 giờ. Theo dõi chặt chẽ diễn biến của bão, áp thấp nhiệt đới và triển khai ngay các kế hoạch, biện pháp cần thiết phòng chống, bảo vệ phương tiện, cầu bến, kho xưởng, hàng hóa, trụ sở ...

- Thông báo kịp thời thông tin về diễn biến của bão, áp thấp nhiệt đới; điều kiện an toàn khai thác cảng để thuyền trưởng tàu thuyền neo đậu tại cảng chủ động tìm vị trí neo đậu, trú ẩn an toàn.

- Sẵn sàng lực lượng, phương tiện phù hợp thực hiện Lệnh điều động phối

hợp tìm kiếm cứu nạn khi có yêu cầu của Cảng vụ Hàng hải.

k) Lập, phê duyệt và tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì bên cảng, cầu cảng theo quy định.

l) Khi tồn tại hàng hóa quá thời hạn làm thủ tục Hải quan có nguy cơ gây cháy nổ hoặc gây ô nhiễm môi trường, phải tổng hợp, thông báo cho Cảng vụ Hàng hải và Cục Hải quan tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu biết, hướng dẫn xử lý.

m) Thực hiện nội dung liên quan theo hướng dẫn tại Tiêu chuẩn cơ sở về “Quy trình khai thác kỹ thuật công trình cảng biển và khu nước” của cấp thẩm quyền và thực hiện kê khai, niêm yết giá dịch vụ theo quy định.

2. Đối với doanh nghiệp hoạt động xếp, dỡ hàng hoá tại các khu vực neo đậu, chuyển tải

a) Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải, an toàn lao động, phòng chống cháy, nổ và bảo vệ môi trường.

b) Trang bị đầy đủ trang, thiết bị bảo hộ lao động, hướng dẫn về các biện pháp bảo đảm an toàn vệ sinh lao động cho người lao động phù hợp với điều kiện làm việc trên tàu biển, phù hợp với tính chất lý hóa của từng loại hàng hóa xếp, dỡ. Sử dụng lao động đã đủ tuổi lao động, có chứng chỉ chuyên môn phù hợp cho công việc xếp, dỡ hàng hóa và đã trải qua huấn luyện đào tạo trước khi tiến hành công việc.

c) Tăng cường quản lý, giám sát người lao động, đảm bảo người lao động tuân thủ những quy định về vệ sinh, an toàn lao động. Phối hợp với thuyền viên trên tàu, tổ chức, cá nhân liên quan để đảm bảo an toàn trong hoạt động xếp, dỡ hàng hóa, bảo đảm an ninh trật tự trên tàu thuyền và bảo vệ môi trường biển.

d) Đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật và duy trì điều kiện an toàn kỹ thuật của các phương tiện, thiết bị tham gia hoạt động xếp, dỡ hàng hóa. Trước khi tiến hành hoạt động xếp, dỡ hàng hóa, tiến hành đánh giá, xác định các nguy cơ mất an toàn có thể xảy ra và có biện pháp phòng ngừa phù hợp và trao đổi, thống nhất với doanh nghiệp quản lý, khai thác khu vực neo đậu, chuyển tải và thuyền trưởng các tàu thuyền liên quan về biện pháp xếp, dỡ hàng hóa và phương án bảo đảm an toàn.

đ) Thực hiện thủ tục tàu thuyền vào, rời cảng biển đối với các phương tiện tham gia hoạt động xếp, dỡ hàng hóa trong vùng nước cảng biển theo quy định.

3. Kịp thời tổng hợp, cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước về hàng hải theo yêu cầu của Cảng vụ Hàng hải.

Điều 41. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển

Thực hiện theo quy định tại Chương III Nghị định số 160/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển, Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, các quy định liên quan khác của pháp luật và yêu cầu sau:

1. Trước khi tàu đến cảng biển, cung cấp Nội quy cảng biển; đặc điểm, thông số kỹ thuật của luồng hàng hải, cảng/ bến phao, khu nước, vùng nước và đề nghị thuyền trưởng, chủ tàu nghiên cứu, chấp hành.

2. Chủ động liên hệ với Cảng vụ Hàng hải và cơ quan chức năng để được thông báo các thông tin liên quan về điều kiện hàng hải và các khuyến cáo cần thiết khác về an toàn hàng hải, an ninh hàng hải nhằm kịp thời cung cấp tới thuyền trưởng.

3. Chỉ được thực hiện chức năng dịch vụ đại lý tàu thuyền trong phạm vi công việc được chủ tàu ủy thác, phù hợp với điều kiện kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và quy định liên quan khác của pháp luật.

4. Khi bổ trí mới hoặc thay đổi đại lý viên làm dịch vụ đại lý hàng hải phải thông báo bằng văn bản cho Cảng vụ Hàng hải và các cơ quan quản lý nhà nước tại cảng biết.

5. Thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp thông tin kịp thời theo yêu cầu của Cảng vụ Hàng hải.

6. Thực hiện kê khai, niêm yết giá dịch vụ theo quy định tại Thông tư số 39/2023/TT-BGTVT.

7. Kịp thời tổng hợp, cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước về hàng hải theo yêu cầu của Cảng vụ Hàng hải.

Điều 42. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ vận tải biển

1. Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 160/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển, Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải và các quy định liên quan khác của pháp luật.

2. Kịp thời tổng hợp, cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước về hàng hải theo yêu cầu của Cảng vụ Hàng hải.

Điều 43. Trách nhiệm của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lai dắt

Thực hiện theo quy định tại Chương XII Bộ luật Hàng hải Việt Nam 2015,

Chương IV Nghị định số 160/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển, Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, các quy định liên quan khác của pháp luật và yêu cầu sau:

1. Định kỳ hàng quý (chậm nhất đến ngày 05 của tháng đầu tiên quý sau) báo cáo Cảng vụ Hàng hải về tình hình hoạt động của các tàu lai thuộc doanh nghiệp hoạt động trong vùng nước cảng biển.

2. Chậm nhất 16 giờ 30 hàng ngày, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lai dắt phải gửi thông báo Kế hoạch tàu lai hỗ trợ của ngày kế tiếp cho Cảng vụ Hàng hải biết (*Nội dung thông báo theo mẫu Phụ lục 5 kèm theo Nội quy này*). Trường hợp kế hoạch có thay đổi, phải kịp thời thông báo cho Cảng vụ Hàng hải biết sau khi nhận được yêu cầu cung cấp hoặc hủy bỏ dịch vụ.

3. Việc cung cấp dịch vụ tàu lai hỗ trợ khi điều động cập, rời cầu cảng, bến phao; cập mạn tàu thuyền khác; di chuyển vị trí, quay trở trong phạm vi vùng nước trước bến cảng, vùng nước bên phao phải chấp hành nghiêm chỉnh quy định về công suất, số lượng và tính năng (loại) tàu lai.

4. Thực hiện kê khai, niêm yết giá dịch vụ theo quy định tại Thông tư số 39/2023/TT-BGTVT.

5. Kịp thời tổng hợp, cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước về hàng hải theo yêu cầu của Cảng vụ Hàng hải.

Điều 44. Trách nhiệm của doanh nghiệp đóng mới, sửa chữa, hoán cải tàu thuyền

1. Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 111/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ đóng mới, hoán cải, sửa chữa tàu biển, Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải và các quy định liên quan khác của pháp luật.

2. Ngoài các quy định nêu trên, doanh nghiệp đóng mới, sửa chữa, hoán cải tàu thuyền có quản lý, khai thác cầu cảng, bến cảng phải thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 3, khoản 4 Điều 40 Nội quy này.

Điều 45. Trách nhiệm của doanh nghiệp hoạt động thu gom chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển

1. Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Thông tư số 04/VBHN-BGTVT ngày 02/3/2021 của Bộ

trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý thu gom và xử lý chất thải từ tàu thuyền trong vùng nước cảng biển, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài Nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật về môi trường.

2. Kịp thời tổng hợp, cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước về hàng hải theo yêu cầu của Cảng vụ Hàng hải.

Điều 46. Trách nhiệm của tổ chức quản lý vận hành luồng hàng hải, báo hiệu hàng hải công bố thông báo hàng hải và bảo vệ công trình hàng hải

1. Hoạt động quản lý, vận hành luồng hàng hải, báo hiệu hàng hải và công bố Thông báo hàng hải thực hiện theo quy định tại Chương II, Chương III Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, Nghị định số 70/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về điều kiện cung cấp dịch vụ bảo đảm an toàn hàng hải, Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải và các quy định liên quan khác của pháp luật.

2. Tổ chức trực tiếp quản lý, vận hành báo hiệu hàng hải, luồng hàng hải có trách nhiệm:

a) Bảo đảm các báo hiệu hàng hải thuộc trách nhiệm quản lý, vận hành đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định và phù hợp với nội dung của thông báo hàng hải đã công bố.

b) Kịp thời thông báo cho Cảng vụ Hàng hải, Trung tâm điều hành hệ thống VTS biết:

- Khi phát hiện có chướng ngại vật trên luồng; báo hiệu hàng hải bị hư hỏng, mất hoặc sai lệch.

- Trước và sau khi sửa chữa, khắc phục hư hỏng, mất hoặc sai lệch các báo hiệu hàng hải.

- Các thông tin cần thiết khác liên quan đến bảo đảm an toàn hàng hải.

c) Kịp thời cung cấp cho Cảng vụ Hàng hải “Bình đồ đo sâu” thể hiện kết quả khảo sát, đo đặc độ sâu luồng hàng hải, thủy diện cảng, vùng neo đậu, vùng đón trả hoa tiêu, vùng quay trở, khu neo đậu, khu chuyển tải, khu nước, vùng nước do đơn vị mình tổ chức thực hiện.

d) Định kỳ hàng quý (chậm nhất đến ngày 05 của tháng đầu tiên quý sau) gửi báo cáo bằng văn bản tình trạng hoạt động của báo hiệu hàng hải về Cảng vụ Hàng hải theo Mẫu số 17 quy định tại phụ lục ban hành kèm Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

3. Danh mục báo hiệu hàng hải được cập nhật trên trang thông tin điện tử tại địa chỉ: <http://www.cangvuhanghaivungtau.gov.vn>.

4. Tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng, quản lý khai thác công trình hàng hải có trách nhiệm xây dựng, phê duyệt phương án bảo vệ công trình hàng hải theo quy định tại Điều 125 Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015, Nghị định số 143/2017/NĐ-CP ngày 14/12/2017 của Chính phủ quy định về bảo vệ công trình hàng hải.

5. Kịp thời tổng hợp, cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước về hàng hải theo yêu cầu của Cảng vụ Hàng hải.

Điều 47. Trách nhiệm của doanh nghiệp, cá nhân hoạt động trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo

1. Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 160/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh vận tải biển, kinh doanh dịch vụ đại lý tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển, Nghị định số 147/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về điều kiện kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, Thông tư số 16/2013/TT-BGTVT ngày 30/7/2013 của Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam, Thông tư số 24/2022/TT-BGTVT ngày 13/10/2022 của Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo trong vùng biển Việt Nam và các quy định liên quan khác của pháp luật.

2. Kịp thời tổng hợp, cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý nhà nước về hàng hải theo yêu cầu của Cảng vụ Hàng hải.

Mục 10

CÔNG TÁC PHỐI HỢP QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HÀNG HẢI

Điều 48. Phối hợp hoạt động giữa các Cảng vụ Hàng hải: Vũng Tàu, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai

Thực hiện theo Quy chế phối hợp quản lý hoạt động hàng hải giữa Cảng vụ Hàng hải Vũng Tàu, Cảng vụ Hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh và Cảng vụ Hàng hải Đồng Nai và các quy định liên quan khác của pháp luật.

Điều 49. Phối hợp hoạt động giữa Cảng vụ Hàng hải với các cơ quan quản lý nhà nước khác

Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 93 Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP, các quy chế phối hợp đã ký giữa Cảng vụ Hàng hải và các cơ quan quản lý nhà nước khác tại cảng biển và các quy định liên quan khác của pháp luật.

MỤC 11

CÁC NỘI DUNG LIÊN QUAN KHÁC

Điều 50. Hoạt động thể thao, diễn tập tìm kiếm cứu nạn

Thực hiện theo quy định tại Điều 109 Nghị định số 58/2017/NĐ-CP và các quy định liên quan khác của pháp luật.

Điều 51. Kiểm dịch y tế, kiểm dịch thực vật, kiểm dịch động vật và phòng chống dịch bệnh

1. Thuyền trưởng tàu thuyền có trách nhiệm kịp thời thông báo cho cơ quan Kiểm dịch y tế Quốc tế biết về tình trạng bất thường đối với sức khỏe của thuyền viên, hành khách và các yếu tố liên quan đến sức khỏe cộng đồng.

2. Tàu thuyền chỉ được phép tiến hành hun chuột, khử trùng, cách ly giám sát dịch bệnh hoặc các hoạt động kiểm dịch khác tại các vị trí do Cảng vụ Hàng hải chỉ định trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Trước và trong khi tiến hành phải trưng đèn hoặc treo cờ, dấu hiệu cảnh báo theo quy định, đồng thời phải có các biện pháp bảo đảm an toàn cho con người, ngăn ngừa ô nhiễm môi trường xung quanh khu vực của tàu thuyền neo đậu.

3. Công tác phòng, chống dịch bệnh tại vùng nước cảng biển và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải thực hiện theo các quy định pháp luật liên quan và chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền.